

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08 – 05 – 2019

(*V/việc không công nhận vợ chồng*)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Diệp Chí Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Trọng Tâm

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Bích Như – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 289/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 về việc không công nhận vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 275/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Huỳnh Văn N (tên gọi khác Huỳnh Văn Thành), sinh năm 1973.

Địa chỉ nơi cư trú: 25, Ấp b, xã T, Tp. C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: Chị Trần Mộng T, sinh năm 1977.

Địa chỉ nơi cư trú: Số nhà 25, Ấp B, xã T, Tp. C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Anh N trình bày, anh và chị Trần Mộng T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng đến nay vẫn không giải quyết được, vợ chồng sống không hòa Tận, nhận thấy vợ chồng không có hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn.

Ý kiến của chị T: Chị T trình bày, chị và anh Huỳnh Văn N chung sống từ năm 1998, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu Tận, không giải quyết được, vợ chồng sống không còn hạnh phúc nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh N và chị T xác định có 02 con chung tên Huỳnh Nhật L, sinh ngày 10/10/2000 (đã trưởng thành có sức khỏe bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Huỳnh Gia K, sinh ngày 20/6/2008 hiện đang sống chung với anh chị. Khi ly hôn anh, chị thỏa thuận thống nhất giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng anh, chị không đặt ra yêu cầu.

Về tài sản chung: Anh N và chị T xác định có, nhưng để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh N và chị T xác định không có.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của anh Huỳnh Văn N về việc xin ly hôn với chị Trần Mộng T Tộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Chị T là bị đơn có nơi cư trú tại Ấp B, xã T, Tp. C nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[2] Về hôn nhân: Anh N và chị T xác định cùng chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống anh N và chị T đều xác định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng đến nay vẫn không giải quyết được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên cả hai thống nhất chấm dứt hôn nhân với nhau. Theo quy định tại Điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình trong trường hợp N nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, khi có yêu cầu ly hôn, chấm dứt hôn nhân thì Tòa án thụ lý, giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Trường hợp của anh N và chị T sống chung nhưng không đăng ký và đã có yêu cầu ly hôn. Do đó, cần tuyên bố về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh N và chị T.

[3] Về con chung: Anh N và chị T xác định có 02 con chung tên Huỳnh Nhật L, sinh ngày 10/10/2000 (đã trưởng thành) và Huỳnh Gia K, sinh ngày 20/6/2008 hiện đang sống chung với anh chị. Khi ly hôn anh, chị thỏa thuận thống nhất giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, việc thỏa thuận của anh N và chị T phù hợp với quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

Vấn đề cấp dưỡng anh, chị không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh N và chị T xác định có nhưng đề tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh N và chị T xác định không có.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh N nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 1 điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Huỳnh Văn N (tên gọi khác Huỳnh Văn Thành) và chị Trần Mộng T.

Về con chung: Giao cháu Huỳnh Gia K, sinh ngày 20/6/2008 (hiện đang sống chung với anh chị) cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng anh, chị không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh N không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh N và chị T xác định có nhưng để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Anh N và chị T xác định không có.

Án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Huỳnh Văn N nộp 300.000đ. Vào ngày 02 tháng 4 năm 2019, anh N đã dự nộp 300.000đ theo biên lai số 0002305 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được đối trừ sung ngân sách nhà nước, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOạ PHIÊN TOạ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(ĐÃ KÝ)

Diệp Chí Nguyễn